TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST Ngày 31/7/2019 *Về việc "Tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Minh Hoàng**

2. Ông **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/ QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 3A, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 3A, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/10/1989. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng vài tháng mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị c□ưỡng ép. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có tình cảm yêu thương người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường

xuyên cự cãi. không ai quan tâm đến ai dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã không sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1990 và Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992 các cháu đã trưởng thành, phát triển bình thường. Và hiện nay đang sống với chị L.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không có nợ ai, và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- *Về con chung:* Cháu L và cháu S đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Ngọc T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 443 quyển số 02 ngày 16/10/1989 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có tình cảm yêu thương người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã không sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T và anh T cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin

được ly hôn. Xét thấy thực tế chị L và anh T không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian anh chị không sống với nhau thì không ai quan tâm đến ai, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng cụ thể là anh T đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị L.

[4] Về quan hệ con chung: chị L xác nhận chị và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1990 và Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992 đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003354 ngày 11/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về án phí HNST: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003354 ngày 11/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Ngọc Ái